

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 23
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn (đổi tên từ Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tạp Phẩm Sài Gòn) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất Nhập Khẩu Tạp Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1801/QĐ-BTM ngày 03/12/2004

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003230 (số đăng ký kinh doanh mới 0301462583) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 35 Lê Quý Đôn, Phường 7, Quận 3, Tp HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Trí Nghĩa	Thành viên
Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên
Ông Ngô Hữu Thắng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trí Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát :

Ông Nguyễn Đức Quốc	Trưởng ban	
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên	Bãi nhiệm ngày 26/08/2011
Bà Vương Tố Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/08/2011
Bà Bùi Thị Tuyết Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/08/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2012





Số: 3.15./2012/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn được lập ngày ngày 01 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.003.122.449	182.570.319.945
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	68.026.904.857	112.346.914.859
111 1. Tiền		15.386.532.157	38.425.982.459
112 2. Các khoản tương đương tiền		52.640.372.700	73.920.932.400
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.922.628.000	5.814.367.500
121 1. Đầu tư ngắn hạn		4.686.504.000	6.808.580.000
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(763.876.000)	(994.212.500)
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.558.943.707	17.725.032.865
131 1. Phải thu khách hàng		12.273.296.126	10.782.754.479
132 2. Trả trước cho người bán		935.095.493	4.792.467.177
135 5. Các khoản phải thu khác	5	350.552.088	2.149.811.209
140 IV. Hàng tồn kho	6	17.834.024.651	39.941.400.342
141 1. Hàng tồn kho		17.834.024.651	39.941.400.342
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		5.660.621.234	6.742.604.379
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		207.187.084	553.546.574
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.157.734.150	5.050.626.630
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	431.175
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.295.700.000	1.138.000.000
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.046.435.385	41.863.685.065
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220 II. Tài sản cố định		38.255.329.817	36.024.814.820
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.321.506.175	19.359.814.820
222 - Nguyên giá		36.381.208.625	35.889.737.643
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.059.702.450)	(16.529.922.823)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	20.933.823.642	16.665.000.000
240 III. Bất động sản đầu tư	10	3.030.000.000	3.030.000.000
241 - Nguyên giá		3.030.000.000	3.030.000.000
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	2.750.000.000	2.750.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		2.000.000.000	2.000.000.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		11.105.568	58.870.245
261 1. Chi phí trả trước dài hạn		11.105.568	58.870.245
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		153.049.557.834	224.434.005.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		85.396.303.784	155.288.638.344
310 I. Nợ ngắn hạn		81.558.822.462	153.083.697.873
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	12	110.000.000	15.975.720.000
312 2. Phải trả người bán		10.135.071.938	43.848.601.298
313 3. Người mua trả tiền trước		2.454.876.662	19.593.548.100
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.251.589.579	1.758.752.452
315 5. Phải trả người lao động		16.510.377.335	13.575.216.113
316 6. Chi phí phải trả		31.283.333	24.821.135
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	49.873.903.671	57.762.341.999
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.191.719.944	544.696.776
330 II. Nợ dài hạn		3.837.481.322	2.204.940.471
333 3. Phải trả dài hạn khác	15	2.000.000.000	2.000.000.000
334 4. Vay và nợ dài hạn	16	1.331.405.729	-
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		506.075.593	204.940.471
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.653.254.050	69.145.366.666
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	67.653.254.050	69.145.366.666
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.383.550.000	41.383.550.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		1.993.548.500	1.932.345.000
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)		(16.978.500)	(358.775.000)
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		672.544.973	412.036.559
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		10.855.569.260	3.098.728.190
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		3.586.313.572	2.616.708.438
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.178.706.245	20.060.773.479
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		153.049.557.834	224.434.005.010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

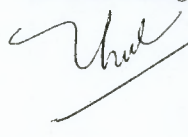
CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			-	-
- Đô la Mỹ	USD		1.920.130,64	3.844.557,19
- Đồng tiền chung Châu Âu	EUR		101,67	101,72
- Yên Nhật	JPY		4.188.333,00	11.339.170,00

Người lập biểu



Trần Văn Ngọc Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Thúy



Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

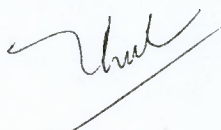
Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	399.546.365.043	307.307.583.353
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		399.546.365.043	307.307.583.353
11 4. Giá vốn hàng bán	19	354.374.030.632	261.545.896.448
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.172.334.411	45.761.686.905
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	14.097.493.494	8.458.383.788
22 7. Chi phí tài chính	21	16.451.020.154	9.522.800.055
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		1.599.348.780	758.466.304
24 8. Chi phí bán hàng		13.341.076.799	12.452.648.644
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.986.178.991	14.882.959.959
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.491.551.961	17.361.662.035
31 11. Thu nhập khác	22	151.664.545	10.223.077.554
32 12. Chi phí khác	23	1.765.237	1.133.927.217
40 13. Lợi nhuận khác		149.899.308	9.089.150.337
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.641.451.269	26.450.812.372
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	3.115.024.531	7.058.709.698
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.526.426.738	19.392.102.674

Người lập biểu



Trần Văn Ngọc Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Thúy

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc




Phan Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

Theo phương pháp trực tiếp

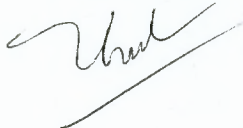
Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	385.954.249.267	380.728.677.014
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(338.540.825.849)	(274.598.939.522)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(49.371.744.170)	(36.893.303.878)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(1.599.348.780)	(756.746.857)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.961.223.537)	(7.280.448.347)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	46.531.420.672	43.289.706.553
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(59.948.425.292)	(68.765.806.921)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(20.935.897.689)	35.723.138.042
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	(5.043.474.551)	(13.203.461.099)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	166.210.000	3.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.195.894.000)	(4.025.480.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.299.715.300	3.894.575.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.261.587.743	3.435.372.389
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(511.855.508)	(9.895.357.346)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	403.000.000	165.375.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	42.572.812.164	37.943.482.686
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(57.107.126.435)	(25.953.485.686)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(9.316.164.850)	(5.299.225.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(23.447.479.121)	6.856.146.350
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(44.895.232.318)	32.683.927.046
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	112.346.914.859	78.539.494.597
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	575.222.316	1.123.493.216
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	68.026.904.857	112.346.914.859

Người lập biểu



Trần Văn Ngọc Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Thúy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012
Tổng Giám đốc




Lê Thị Thanh Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại Tạp phẩm Sài Gòn (đổi tên từ Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tạp Phẩm Sài Gòn) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất Nhập Khẩu Tạp Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1801/QĐ-BTM ngày 03/12/2004

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003230 (số đăng ký kinh doanh mới 0301462583) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 35 Lê Quý Đôn, Phường 7, Quận 3, Tp HCM.

Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán tạp phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may, da giày, mỹ phẩm, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị, hàng nông lâm, hải sản, hàng thực phẩm, phương tiện vận tải, trang thiết bị y tế, thiết bị tin học (cả thiết bị ngoại vi của máy vi tính), máy vi tính, linh kiện phụ tùng, điện thoại di động;
- Sửa chữa và bảo hành máy điện thoại, máy fax, tổng đài, thiết bị viễn thông, thiết bị kiểm nghiệm – phân tích, đo lường;
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh phát triển nhà và văn phòng;
- Đào tạo giáo dục định hướng cho người lao động đi nước ngoài;
- Sản xuất gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm);
- Kinh doanh kho bãi, hoạt động xuất khẩu lao động;
- Bán buôn thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; sản phẩm từ thịt, thủy sản;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn gạo, xay xát, sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, đánh bóng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

203
CÔNG
CHÍNH
SÁCH V
TÀI CH
VÀ
HOA

5-006
ANH
S TY
H HUU
TU VA
KẾ T
M TOA
HA NOI
TP. HC

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 -08 năm
- Phương tiện vận tải	06 -08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 -08 năm
- Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

2.7 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX): giá trích lập dự phòng là giá giao dịch bình quân tại ngày 31/12/2011.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE): giá trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2011.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 672.544.973 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

-00
ANH
TY
M H
TU
H K
EM
HA
TP

33 - C/T
DU HAN
DU VAN
KE TOAN
TOAN
4 - TP. HA

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.310.115.463	441.822.683
Tiền gửi ngân hàng	14.076.416.694	37.984.159.776
Các khoản tương đương tiền (*)	52.640.372.700	73.920.932.400
	68.026.904.857	112.346.914.859

(*) Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 03 tháng, lãi suất 14%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (1)	4.686.504.000	6.808.580.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (2)	(763.876.000)	(994.212.500)
	3.922.628.000	5.814.367.500

(1) Chi tiết đầu tư cổ phiếu ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu NH TMCP Á Châu	84	140.000	70	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5	-	3.775	23.100.000
Cổ phiếu Công ty CP ĐTPPT Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	-	-	11.980	919.450.000
Cổ phiếu Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	-	-	10.000	100.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	-	-	10.000	530.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO	-	-	5.000	128.500.000
Cổ phiếu Công ty CP Tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai	-	-	15.000	224.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Bình Minh (BMP)	13.500	669.600.000	27.500	1.135.350.000
Cổ phiếu Công ty CP Sản xuất thương mại May Sài Gòn	-	-	10.000	255.500.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	15.155	-	20.155	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.214	19.770.000	1.983	158.480.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đà Nẵng (DRC)	15.880	318.964.000	-	-

(1) Chi tiết đầu tư cổ phiếu ngắn hạn (tiếp theo):

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà (ITC)	20.000	350.330.000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	30.000	354.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phong Phú	199.776	2.497.200.000	199.776	2.497.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16 (LCG)	10.000	201.500.000	10.000	413.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông (SAM)	25.000	275.000.000	15.000	424.000.000
		4.686.504.000		6.808.580.000

(2) Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Loại chứng khoán	Số lượng CP	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
	(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Bình Minh (BMP)	13.500	669.600.000	472.500.000	(197.100.000)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đà Nẵng (DRC)	15.880	318.964.000	271.548.000	(47.416.000)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà (ITC)	20.000	350.330.000	146.000.000	(204.330.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16 (LCG)	10.000	201.500.000	84.000.000	(117.500.000)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	30.000	354.000.000	324.000.000	(30.000.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông (SAM)	25.000	275.000.000	107.500.000	(167.500.000)
		2.169.394.000	1.405.548.000	(763.846.000)

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	15.555.556	-
Phải thu Công ty TNHH Hải Ly	-	1.953.476.566
Phải thu khác	334.996.532	196.334.643
	350.552.088	2.149.811.209

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	15.219.320.312
Công cụ, dụng cụ	102.779.839	33.821.542
Thành phẩm	16.589.856.278	4.298.259
Hàng hóa	1.141.388.534	24.683.960.229
	<u>17.834.024.651</u>	<u>39.941.400.342</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	83.000.000	10.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.212.700.000	1.128.000.000
	<u>1.295.700.000</u>	<u>1.138.000.000</u>

53
TY
SÀI GÒN
VỤ T
CHÍNH
VÀ K
DÀI

111
HINH
CÓN
CH NH
CH T
CH
VÀ K
T
BIN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.810.895.726	4.132.397.625	3.073.356.492	1.873.087.800	35.889.737.643
Số tăng trong năm	-	-	755.550.909	162.778.773	918.329.682
- Mua trong năm			755.550.909	162.778.773	918.329.682
Số giảm trong năm	-	-	(426.858.700)	-	(426.858.700)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(426.858.700)	-	(426.858.700)
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	26.810.895.726	4.132.397.625	3.402.048.701	2.035.866.573	36.381.208.625
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.927.363.525	801.937.963	2.007.862.430	1.792.758.905	16.529.922.823
Số tăng trong năm	1.369.445.946	1.457.785.871	283.574.382	244.274.008	3.355.080.207
- Khấu hao trong năm	1.369.445.946	1.059.343.991	283.574.382	244.274.008	2.956.638.327
- Phân loại lại	-	398.441.880	-	-	398.441.880
Số giảm trong năm	-	-	(426.858.700)	(398.441.880)	(825.300.580)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(426.858.700)	-	(426.858.700)
- Phân loại lại	-	-	-	(398.441.880)	(398.441.880)
Số cuối năm	13.296.809.471	2.259.723.834	1.864.578.112	1.638.591.033	19.059.702.450
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.883.532.201	3.330.459.662	1.065.494.062	80.328.895	19.359.814.820
Tại ngày cuối năm	13.514.086.255	1.872.673.791	1.537.470.589	397.275.540	17.321.506.175
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:					9.480.076.040

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	20.933.823.642	16.665.000.000
- Giá trị sử dụng lô đất tại quận Bình Thạnh đang làm thủ tục	16.665.000.000	16.665.000.000
- Giá trị Quyền sử dụng lô đất tại Bình Dương	4.010.823.642	-
	20.933.823.642	16.665.000.000

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.030.000.000	3.030.000.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	3.030.000.000	3.030.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.030.000.000	3.030.000.000
Tại ngày cuối năm	3.030.000.000	3.030.000.000

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Đầu tư vào công ty con	Tỷ lệ vốn góp	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Mặt Trời Á Đông (*)	100%	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	Số lượng cổ phần	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP May Hưng Việt	75.000	750.000.000	750.000.000
		2.750.000.000	2.750.000.000

(*) Công ty TNHH Một thành viên Mặt trời Á Đông đã ngưng hoạt động từ tháng 9/2010 và đang hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng	-	15.975.720.000
Vay cá nhân (*)	110.000.000	-
	110.000.000	15.975.720.000

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/HĐVV ngày 29/11/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn cho vay: 06 tháng.;
- Lãi suất cho vay: 14%/ năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.443.426	-
Thuế xuất, nhập khẩu	346.494.768	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	760.862.691	1.607.061.697
Thuế thu nhập cá nhân	129.788.694	151.690.755
	1.251.589.579	1.758.752.452

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	34.556.681	9.393.869
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	1.581.496	780.379
Phải trả tiền ký quỹ và lãi ký quỹ của tu nghiệp sinh	19.163.950.170	29.584.500.031
Phải trả phí quản lý tu nghiệp sinh	8.961.390.337	7.465.681.888
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.796.461.250	807.788.600
Phải trả tiền cọc cho thuê kho	-	696.289.200
Phải trả tiền cọc thuê kho Công ty SB Sài Gòn Fashion	-	378.640.000
Phải trả tiền tạm ứng góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức (*)	18.223.750.000	18.135.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.692.213.737	683.518.032
	49.873.903.671	57.762.341.999

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh khu nhà ở TDH-Tocontap tại số 127 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9.

15 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký quỹ dài hạn của ông Đoàn Ngọc Cường	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn cá nhân (*)	1.331.405.729	-
	1.331.405.729	-

(*) Vay dài hạn của tu nghiệp sinh, thời hạn trên 01 năm, lãi suất 6%/năm.



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	41.383.550.000	1.902.720.000	(524.150.000)	1.240.860.730	2.569.921.984	2.087.902.232	7.807.634.870	56.468.439.816
Hoàn nhập CLTG đầu năm	-	-	-	(1.240.860.730)	-	-	-	(1.240.860.730)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	19.392.102.674	19.392.102.674
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	528.806.206	528.806.206	(1.057.612.412)	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	29.625.000	165.375.000	-	-	-	-	195.000.000
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(2.454.489.000)	(2.454.489.000)
Tạm trích cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(2.463.489.000)	(2.463.489.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.057.612.412)	(1.057.612.412)
Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(105.761.241)	(105.761.241)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	412.036.559	-	-	-	412.036.559
Số dư cuối năm trước	41.383.550.000	1.932.345.000	(358.775.000)	412.036.559	3.098.728.190	2.616.708.438	20.060.773.479	69.145.366.666
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.526.426.738	10.526.426.738
Hoàn nhập CLTG đầu năm	-	-	-	(412.036.559)	-	-	-	(412.036.559)
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	7.756.841.070	969.605.134	(8.726.446.204)	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	61.203.500	341.796.500	-	-	-	-	403.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	(1.939.210.268)	(1.939.210.268)
Trả cổ tức năm 2010 (1)	-	-	-	-	-	-	(4.926.978.000)	(4.926.978.000)
Tạm trích cổ tức năm 2011 (2)	-	-	-	-	-	-	(5.377.859.500)	(5.377.859.500)
Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(438.000.000)	(438.000.000)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	672.544.973	-	-	-	672.544.973
Số dư cuối năm	41.383.550.000	1.993.548.500	(16.978.500)	672.544.973	10.855.569.260	3.586.313.572	9.178.706.245	67.653.254.050

(1) Phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 22/04/2011.

(2) Tạm trích cổ tức năm 2011 đợt 1 và đợt 2 theo Quyết định số 13/2011/TOC-QĐ ngày 19/08/2011 và Quyết định số 23/2011/TOC-QĐ ngày 29/12/2011 của Chủ tịch HĐQT.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	13.642.500.000	32,97	13.642.500.000	32,97
Vốn góp cổ đông khác	27.741.050.000	67,03	27.741.050.000	67,03
	<u>41.383.550.000</u>	<u>100,00</u>	<u>41.383.550.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	41.383.550.000	41.383.550.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	41.383.550.000	41.383.550.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm 2009	-	(2.454.489.000)
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm 2010	(4.926.978.000)	(2.463.489.000)
- Tạm trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	(5.377.859.500)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.138.355	4.138.355
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.138.355	4.138.355
- Cổ phiếu phổ thông	4.138.355	4.138.355
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.540	32.540
- Cổ phiếu phổ thông	1.540	32.540
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.136.815	4.105.815
- Cổ phiếu phổ thông	4.136.815	4.105.815
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng nhập khẩu	80.515.540.709	41.712.211.987
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	61.408.027.243	53.919.323.487
Doanh thu cung cấp dịch vụ	257.622.797.091	211.676.047.879
	<u>399.546.365.043</u>	<u>307.307.583.353</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng nhập khẩu	76.719.091.562	39.141.816.267
Giá vốn của hàng xuất khẩu	59.599.187.560	42.354.822.550
Giá vốn của hàng gia công và cung cấp dịch vụ	218.055.751.510	180.049.257.631
	354.374.030.632	261.545.896.448

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.332.633.349	2.219.379.768
Lãi đầu tư chứng khoán	581.752.000	702.580.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	944.509.950	870.576.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.238.598.195	4.665.848.020
	14.097.493.494	8.458.383.788

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

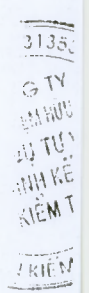
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.599.348.780	758.466.304
Lỗ đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	1.667.520.057	1.678.501.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.184.151.317	7.085.832.366
	16.451.020.154	9.522.800.055

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thuế nhập khẩu được miễn giảm hoàn lại		
Thu nhập từ nhượng quyền thuê mặt bằng 18 Nguyễn Huệ	-	10.000.000.000
Thu bồi thường hợp đồng	-	219.441.190
Thu thanh lý TSCĐ	151.664.545	-
Thu nhập khác	-	3.636.364
	151.664.545	10.223.077.554

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí bồi thường di dời mặt bằng 18 Nguyễn Huệ	-	1.107.750.416
Chi phí khác	1.765.237	26.176.801
	1.765.237	1.133.927.217



24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.641.451.269	26.450.812.372
Các khoản điều chỉnh tăng	175.467.442	2.654.602.419
- Các chi phí khác không được trừ vào thu nhập chịu thuế	175.467.442	2.654.602.419
Các khoản điều chỉnh giảm	(944.509.950)	870.576.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(944.509.950)	870.576.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.872.408.761	28.234.838.791
Thuế TNDN hiện hành	3.218.102.190	7.058.709.698
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 154	(103.077.659)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.115.024.531	7.058.709.698
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.607.061.697	1.828.800.346
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.961.223.537)	(7.280.448.347)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	760.862.691	1.607.061.697

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

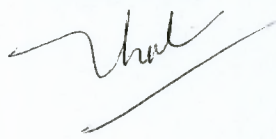
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Người lập biểu



Trần Văn Ngọc Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Thúy

